CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Dược phẩm Trung ương CPC1

Ngày 30/06/2025	37,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.6%	**-0.3%**	**1.8%**

DT thuần
Q2/25
548
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 63.0| 12.9%
YoY: ▲ 35.0| 6.7%

LN thuần
Q2/25
25.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.9| -35.7%
YoY: ▼2.80| -10.1%

LN sau thuế
Q2/25
22.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.70| -28.0%
YoY: ▲ 0.20| 0.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
5.9%
YoY: +/-▼ 2.9%

ROE (TTM)
Q2/25
28.4%
YoY: +/-▲ 1.1%

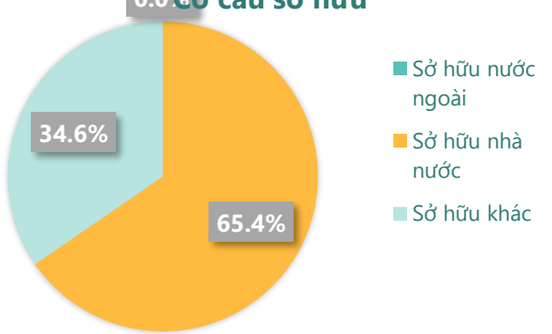
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	32,940 - 42,702
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	780
Số lượng CPLH (CP)	20,979,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,150
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.89
EPS	6,060
P/E	6.1

DT thuần
6T 2025
1,033
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.0| 1.3%

LN thuần
6T 2025
64.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.60| -11.8%

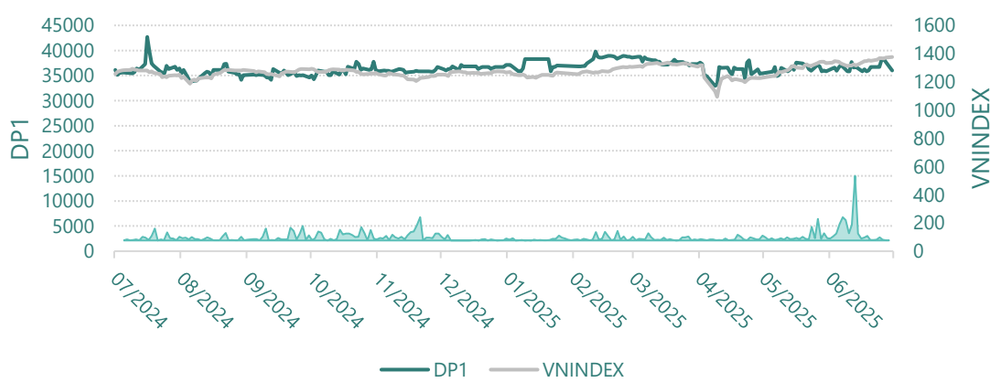
LN sau thuế
6T 2025
53.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.60| -7.8%

Cơ cấu sở hữu

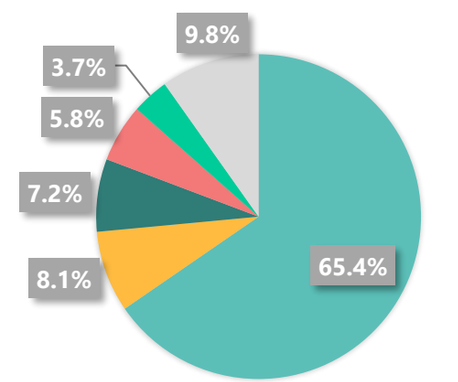


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

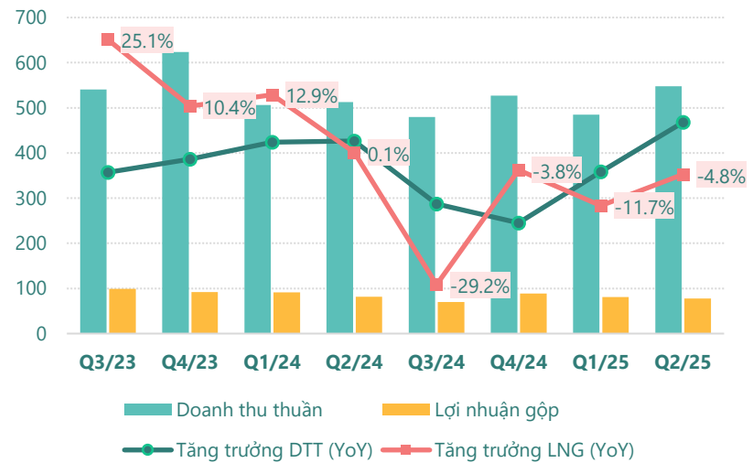


- Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP
- Lê Nam Thắng
- Lê Thị Kim Ánh
- Nguyễn Doãn Liêm (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Thành Lâm
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

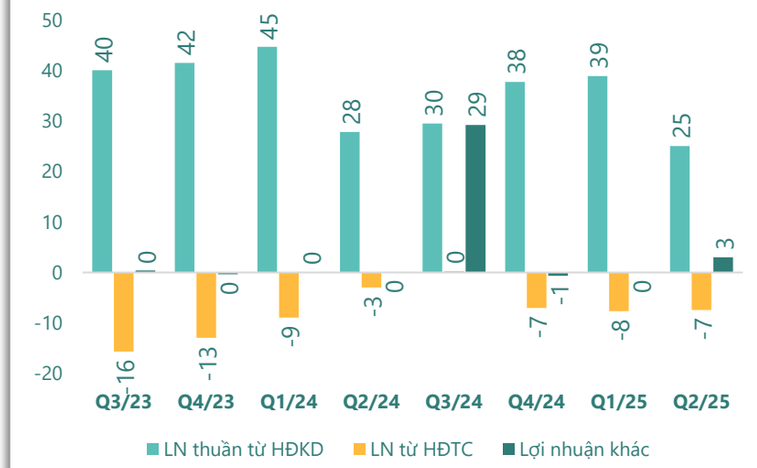
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



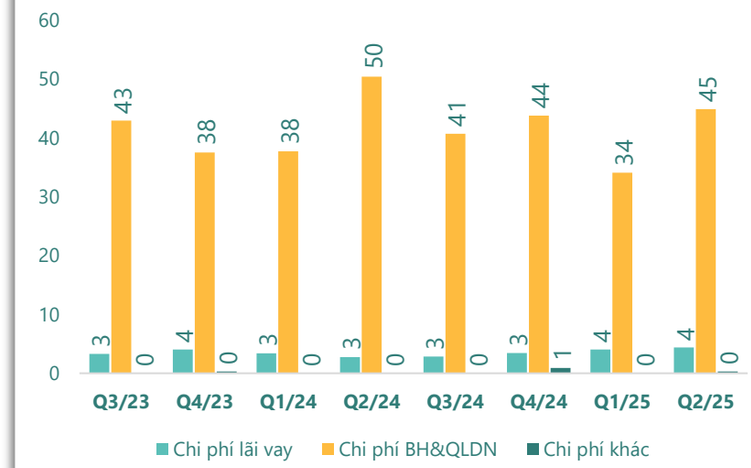
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



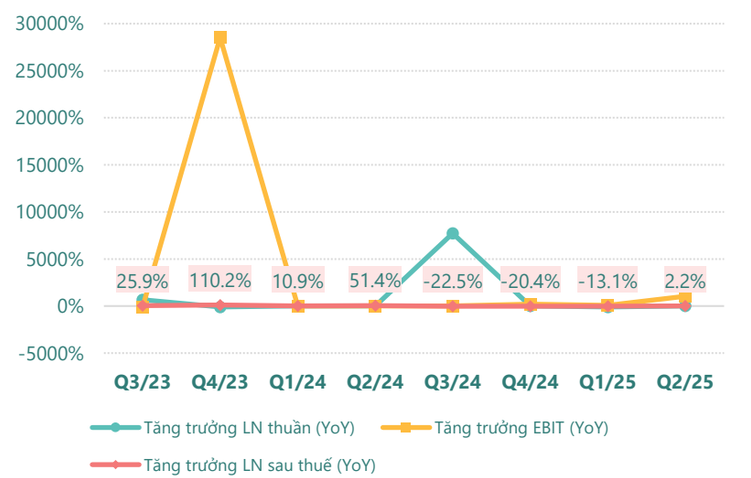
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



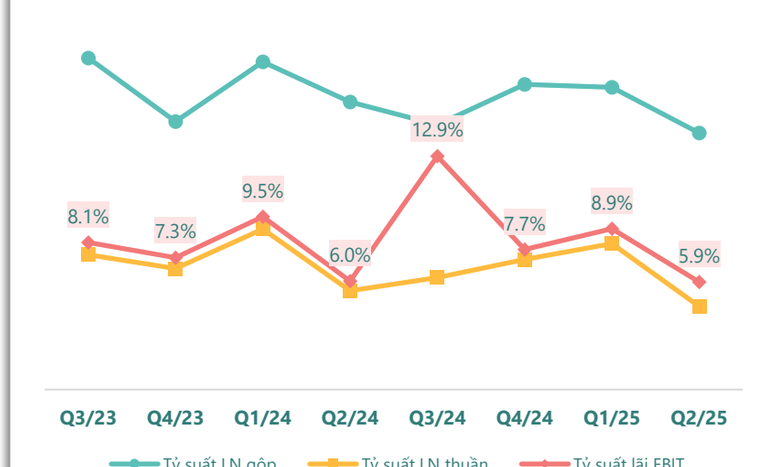
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



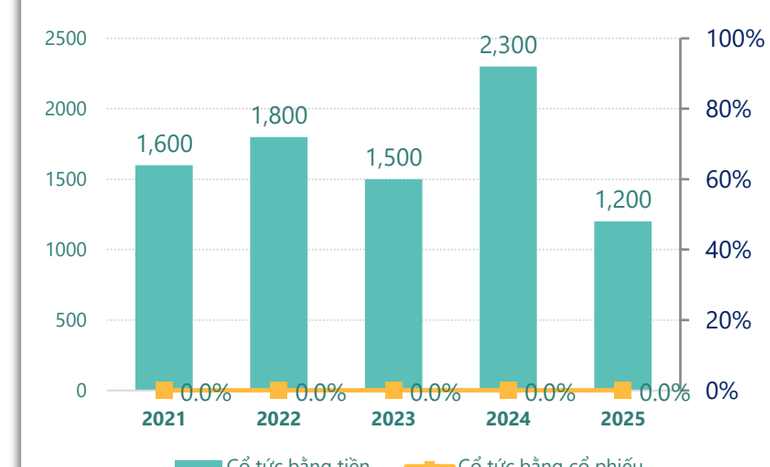
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

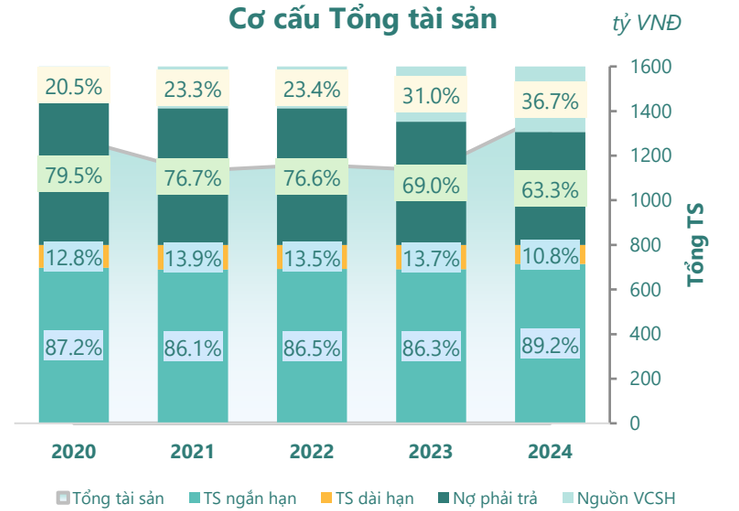
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

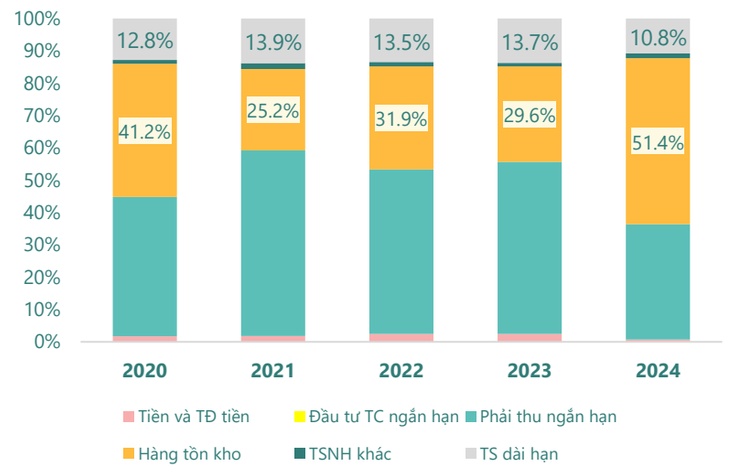
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



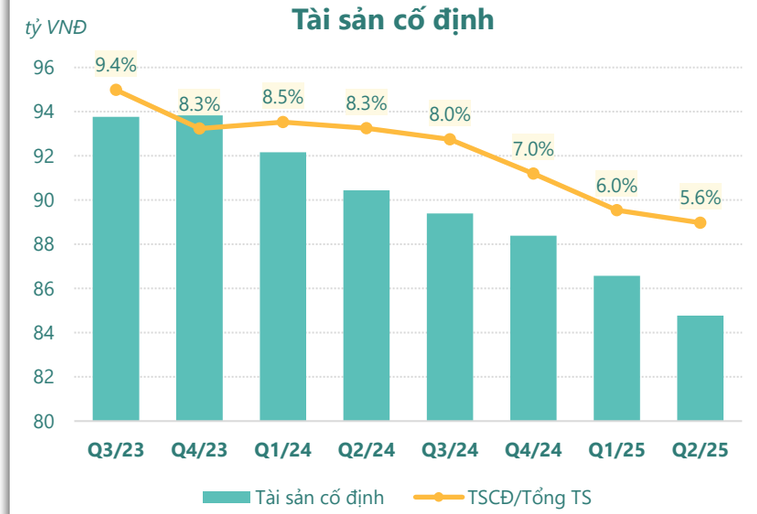
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



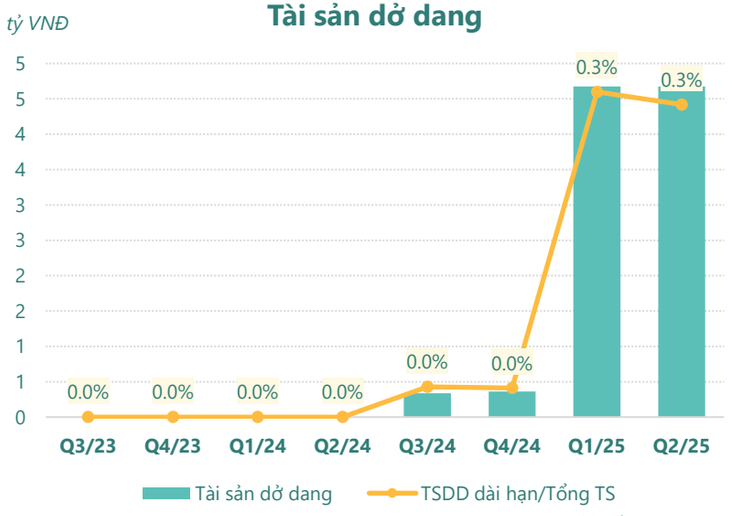
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



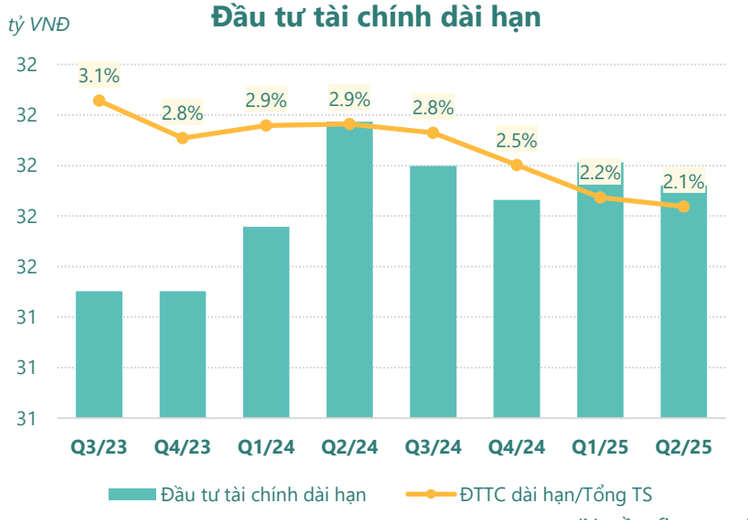
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



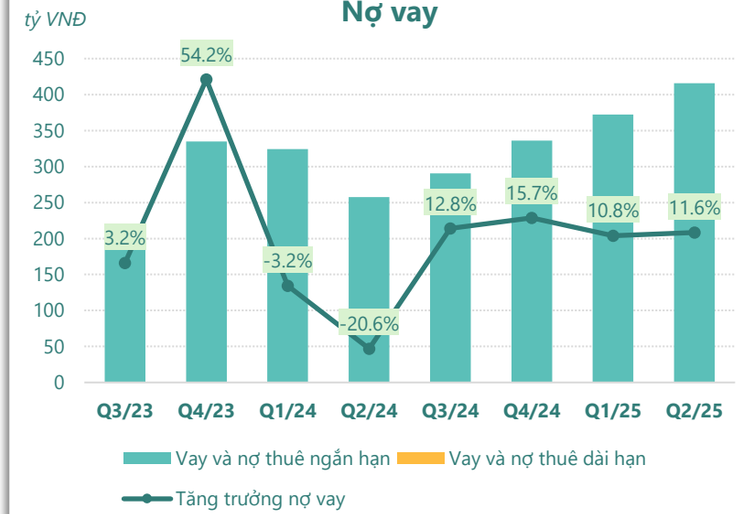
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

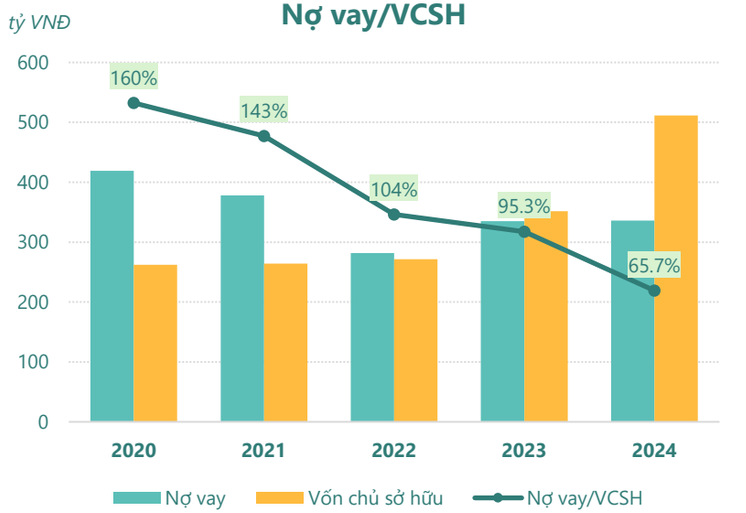
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



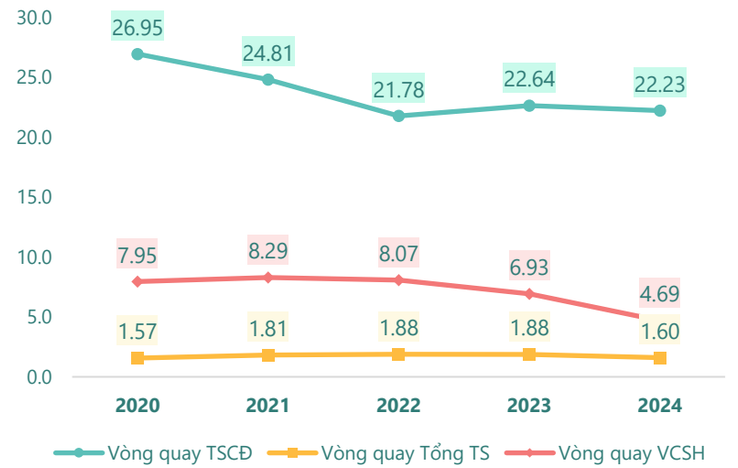
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



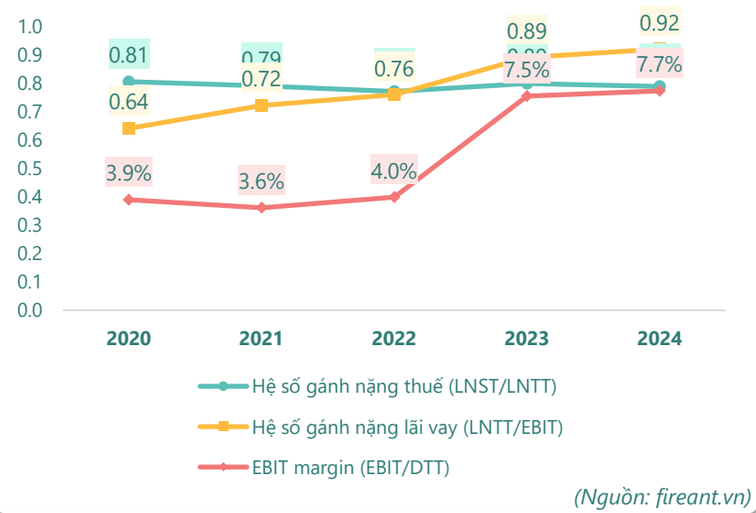
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



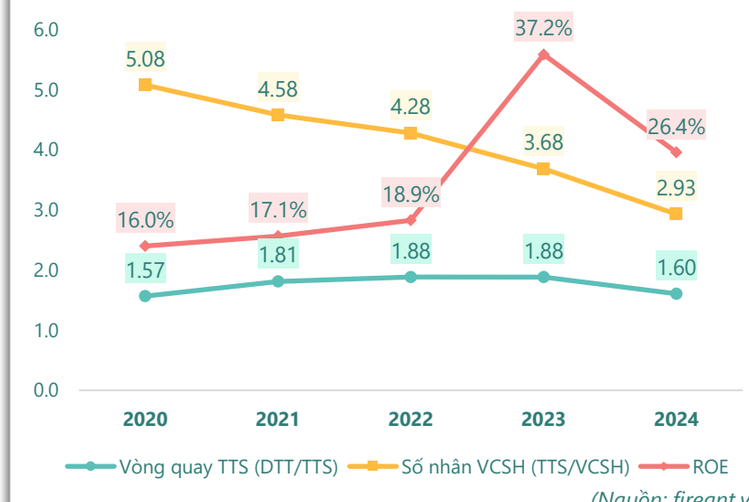
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



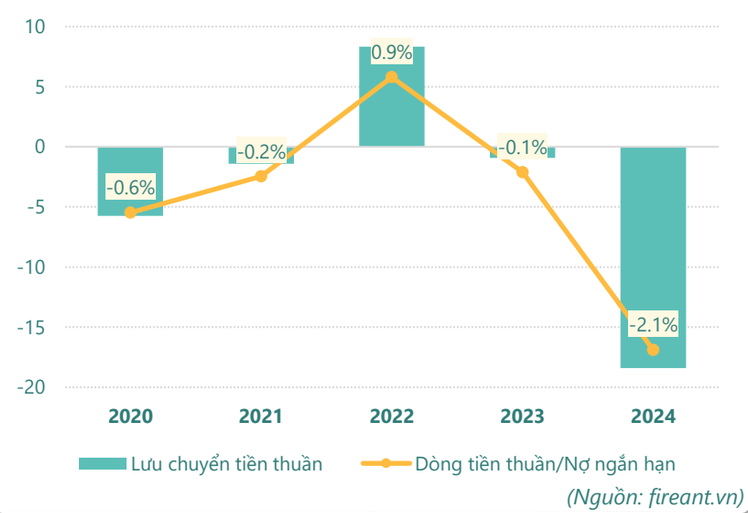
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**548**	**513**	**6.7%**	**1,033**	**1,019**	**1.3%**
Giá vốn hàng bán	470	431	9.1%	874	846	3.3%
Lợi nhuận gộp	77.4	81.3	-4.8%	158	173	-8.4%
Doanh thu HĐTC	5.62	3.41	64.9%	12.3	6.39	91.8%
Chi phí TC	13.0	6.37	105%	27.4	18.3	49.6%
Chi phí lãi vay	4.37	2.76	58.4%	8.40	6.13	37.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	31.4	33.8	-7.0%	60.2	63.8	-5.6%
Chi phí QLDN	**13.5**	**16.7**	**-19.2%**	**18.8**	**24.4**	**-23.0%**
LN thuần từ HĐKD	25.1	27.9	-10.1%	64.1	72.7	-11.8%
Lợi nhuận khác	**3.00**	**-0.03**	**10096%**	**2.97**	**0.06**	**5233%**
LN trước thuế	28.1	27.9	0.7%	67.0	72.7	-7.8%
Lợi nhuận sau thuế	**22.5**	**22.3**	**0.7%**	**53.6**	**58.2**	**-7.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**22.5**	**22.3**	**0.7%**	**53.6**	**58.2**	**-7.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.32	66.5	-13.6	-38.5	-37.4	19.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.02	0.19	1.68	1.67	-0.06	-2.29
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.6	-66.9	12.2	29.3	36.2	32.4
Tiền đầu kỳ	27.9	17.0	16.8	17.0	9.51	8.24
Lưu chuyển tiền thuần	**-10.9**	**-0.21**	**0.23**	**-7.56**	**-1.28**	**49.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	-0.01	0.00	0.02	0.01	-0.01
Tiền cuối kỳ	17.0	16.8	17.0	9.51	8.24	58.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,512**	**1,393**	**8.5%**
Tài sản ngắn hạn	1,359	1,243	9.3%
Tiền và tương đương tiền	58.0	9.51	510%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	581	497	17.0%
Hàng tồn kho	702	716	-1.9%
Tài sản ngắn hạn khác	17.8	21.0	-14.9%
Tài sản dài hạn	**152**	**150**	**1.5%**
Phải thu dài hạn	0.71	0	
Tài sản cố định	84.8	88.4	-4.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.68	0.36	1188%
Đầu tư tài chính dài hạn	31.7	31.6	0.1%
Tài sản dài hạn khác	**30.4**	**29.5**	**3.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	981	882	11.3%
Nợ ngắn hạn	**979**	**882**	**11.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	416	336	23.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	447	449	-0.4%
Nợ dài hạn	2.06	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**530**	**512**	**3.7%**
Vốn chủ sở hữu	**530**	**512**	**3.7%**
Vốn điều lệ	210	210	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)